

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính

phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo

dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học.

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông năng khiếu thể dục, thể thao;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Phòng

Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

Căn cứ Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;

Căn cứ Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3842/TTr-SGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2025; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 4839/BC-STP ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 6225/TTr-SNV ngày 30 tháng 6 năm 2025;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và bãi bỏ các Quyết định: Quyết định số 39/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương và Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào

tạo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ngành Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND

ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Sở Giáo dục và Đào tạo) là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực giáo dục tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân Thành phố) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục tại địa phương, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về giáo dục, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố).

2. Sở Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo có tên giao dịch bằng tiếng Anh là: Department of Education and Training of Ho Chi Minh City (viết tắt là DOET HCMC).

Điều 2. Trụ sở làm việc

Trụ sở chính: số 66 - 68 đường Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ 66-68 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trụ sở 2: Tầng 10, Tháp A, Trung tâm Hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Tầng 10, Tháp A, Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương - đường Lê Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Trụ sở 3: số 198 đường Bạch Đằng, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: số 198 đường Bạch Đằng, phường Phước Trung, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Về xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách phát triển giáo dục

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Hội đồng nhân dân Thành phố) quyết định kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, thực hiện chính sách phát triển giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là địa bàn Thành phố) phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định, chỉ thị, kế hoạch và các văn bản khác về lĩnh vực giáo dục.

2. Về cơ sở vật chất cho giáo dục

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trực thuộc; tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Hội đồng

nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn theo thẩm quyền quy định.

3. Về tài chính cho giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thành phố theo quy định của pháp luật.

b) Xây dựng dự toán ngân sách giáo dục, quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; duyệt quyết toán, thông báo quyết toán năm và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ sở giáo dục trực thuộc; phối hợp với Sở Tài chính xác định, cân đối ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hằng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương trình cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm chi trả (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí theo quy định của pháp luật.

4. Về đội ngũ công chức, nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định vị trí việc làm, biên chế công chức của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của pháp luật.

b) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định vị trí việc làm, tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố theo quy định của pháp luật.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành đề án, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục.

d) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố các chính sách đặc thù đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập.

đ) Thực hiện tuyển dụng, quản lý, sử dụng, bổ nhiệm, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố theo quy định; chủ trì triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn Thành phố theo quy định.

e) Bảo đảm đủ biên chế công chức quản lý giáo dục, đủ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng hợp đồng lao động theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý đội ngũ viên chức, người lao động và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

g) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên hội đồng trường; công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng, trường cán bộ quản lý giáo dục trực thuộc Thành phố theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định.

h) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch hằng năm về số lượng người làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục trực thuộc, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phân bổ số lượng người làm việc theo vị trí việc làm cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định; hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đối với viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục do Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý theo quy định.

5. Về nội dung, chương trình giáo dục

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố; công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn Thành phố; hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ và đánh giá chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.

b) Quản lý về chuyên môn đối với việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên của các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên theo quy định. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố và toàn xã hội.

c) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với người có chức danh theo dõi giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Về tổ chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (nếu có) theo quy định của Chính phủ.

b) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, tổ chức lại, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên hội đồng trường và quyết định công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, biệt phái, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố; công nhận, không công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường, phó chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục tư thục thuộc thẩm quyền quản lý theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định.

d) Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên (trừ trung tâm học tập cộng đồng); cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông; cơ sở giáo dục chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước trình Ủy ban nhân dân Thành phố về giáo dục theo thẩm quyền và theo quy

định của pháp luật.

e) Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh, thi, cấp, thu hồi giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ.

g) Quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường và ngoài nhà trường; chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn.

h) Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố; đảm bảo các điều kiện tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập tại địa phương; vận động và tổ chức, tạo điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục.

i) Hướng dẫn quản lý nhà nước về giáo dục cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

k) Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo.

l) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn.

m) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; cập nhật, công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục trên Cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng bảo đảm tính bảo mật, toàn vẹn và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu giáo dục trong phạm vi được phân quyền.

n) Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ quan chuyên môn quản lý giáo dục ở địa phương và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo quy định và bộ chỉ số do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

o) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân Thành phố văn bản chấp thuận về việc thành lập, cho phép thành lập; sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học; trường cao

đăng sư phạm, phân hiệu của trường cao đẳng sư phạm trên địa bàn.

p) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các cơ sở đại học, trường cao đẳng sư phạm.

q) Tham gia thẩm định thực tế đề án thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn.

r) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng; phòng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

7. Về kiểm tra trong giáo dục

a) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục;

b) Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của cấp xã;

c) Thực hiện kiểm tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và xử lý vi phạm về giáo dục đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trung tâm giáo dục và đào tạo trên địa bàn;

đ) Hướng dẫn kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn Thành phố;

e) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với đội ngũ viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

8. Khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động giáo dục tại địa phương.

9. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và khả năng kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống quản lý trường học và các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan; thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất, công khai trong lĩnh vực giáo dục của địa phương thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định với Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Chủ trì tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực giáo dục; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân cấp.

11. Phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp.

12. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước về giáo dục được giao.

13. Quản lý theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi ngành giáo dục và đào tạo Thành phố.

14. Thực hiện hợp tác quốc tế về ngành, lĩnh vực giáo dục theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc phân công hoặc phân cấp và theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 4. Giám đốc và Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có Giám đốc và các Phó Giám đốc theo quy định.

2. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Giám đốc) là người đứng đầu Sở Giáo dục và Đào tạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Phó Giám đốc) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc, giúp Giám đốc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền thay Giám đốc điều hành các hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo. Phó Giám đốc không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo, gồm có 10 phòng

- a) Văn phòng;
- b) Phòng Kiểm tra - Pháp chế;
- c) Phòng Tổ chức cán bộ;
- d) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- đ) Phòng Học sinh, sinh viên;
- e) Phòng Quản lý chất lượng;
- g) Phòng Giáo dục Mầm non;
- h) Phòng Giáo dục Phổ thông;
- i) Phòng Giáo dục Thường xuyên - Nghề nghiệp và Đại học;

k) Phòng Quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được thành lập trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật (đính kèm Phụ lục).

Điều 6. Các cơ sở giáo dục do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn Thành phố

1. Các cơ sở giáo dục tự thực: cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường chuyên biệt (không bao gồm trường dự bị đại học) và các trường khác có vốn đầu tư trong nước được thành lập theo quy định của pháp luật trên địa bàn Thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

2. Các cơ sở giáo dục tự thực khác: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên, tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và các trung tâm khác được thành lập theo quy định của pháp luật trên địa bàn Thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

Điều 7. Chế độ làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo và trách nhiệm của Giám đốc

1. Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố làm việc theo chế độ thủ trưởng và theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Giám đốc

a) Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc ban hành Quy chế làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện.

b) Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc ban hành Quy chế làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện.

c) Giám đốc chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giáo dục ở địa phương và các công việc được Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công hoặc ủy quyền; không chuyển công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình lên Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết thì Giám đốc phải chủ động làm việc với Giám đốc sở khác có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

d) Giám đốc có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân Thành phố khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với các Giám đốc sở khác, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo.

đ) Giám đốc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với cấp Trưởng và cấp Phó các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc phân cấp và theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của pháp luật có liên quan

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị sự nghiệp công lập khác (nếu có theo quy định) do Giám đốc bổ nhiệm, miễn

nhiệm theo quy định của Đảng, Nhà nước.

2. Người đứng đầu các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị sự nghiệp công lập khác (nếu có theo quy định) (sau đây gọi chung là người đứng đầu) chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước pháp luật về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của phòng, của đơn vị được giao phụ trách.

3. Cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị sự nghiệp công lập khác (nếu có theo quy định) (sau đây gọi chung là cấp phó của người đứng đầu) là người giúp người đứng đầu phụ trách, theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước người đứng đầu và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi người đứng đầu vắng mặt, người đứng đầu ủy quyền cho một cấp phó điều hành các hoạt động của phòng hoặc của đơn vị.

4. Số lượng cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị sự nghiệp công lập khác (nếu có theo quy định).

a) Số lượng cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 6 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP.

b) Số lượng cấp phó của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị sự nghiệp công lập khác (nếu có theo quy định) thực hiện theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Nghị định số 83/2024/NĐ-CP.

Chương IV

QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 9. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ sự chỉ đạo, lãnh đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự hướng dẫn về nghiệp vụ, chuyên môn của các cơ quan chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo sự thống nhất của ngành

trong cả nước và sự phân cấp quản lý của Trung ương. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả hoạt động và kế hoạch công tác định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; dự đầy đủ các cuộc họp, hội nghị do Bộ Giáo dục và Đào tạo triệu tập.

2. Về các chủ trương lớn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố để triển khai thực hiện. Các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân Thành phố có liên quan đến nghiệp vụ quản lý ngành, Giám đốc phải báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo để có hướng dẫn chỉ đạo về mặt chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Trường hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa nhất trí với chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc những chủ trương quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo mà Sở Giáo dục và Đào tạo xét thấy không phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố hoặc chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đề xuất, kiến nghị cụ thể để Ủy ban nhân dân Thành phố làm việc với Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 10. Đối với Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm báo cáo những vấn đề liên quan đến ngành giáo dục và đào tạo của Thành phố cho Ủy ban nhân dân Thành phố và Hội đồng nhân dân Thành phố; chuẩn bị các nội dung để trả lời chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố những vấn đề liên quan đến ngành giáo dục và đào tạo.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân Thành phố và sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố đối với các hoạt động quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình và kế hoạch tổ chức hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo cho Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân Thành phố triệu tập, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ thị, công văn của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các vấn đề có liên quan đến cơ quan, đơn vị trong ngành giáo dục và đào tạo Thành phố.

Điều 11. Đối với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Mọi quan hệ giữa các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố là quan hệ phối hợp và tạo điều kiện cho nhau cùng thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực công tác và đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

2. Khi giải quyết vấn đề thuộc thẩm quyền của Sở Giáo dục và Đào tạo có liên quan đến sở, ngành khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động bàn bạc, lấy ý kiến bằng văn bản đối với các sở, ngành đó.

Điều 12. Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

1. Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực do Sở Giáo dục và Đào tạo phụ trách theo nội dung được phân cấp quản lý, tạo điều kiện để các Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu làm tốt trách nhiệm, nhiệm vụ của mình trong việc quản lý ngành, lĩnh vực công tác trên địa bàn địa phương.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quản lý nhà nước về giáo dục cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Giám đốc trực tiếp làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu hoặc ủy quyền cho Phó Giám đốc làm việc và giải quyết những vấn đề liên quan công việc thuộc ngành quản lý; nếu có ý kiến khác nhau, Giám đốc báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 13. Trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn Thành phố.

2. Thủ trưởng các sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương có trách nhiệm

phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ và Giám đốc Sở Tư pháp đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với yêu cầu, thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Kèm theo Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. Trường trung học phổ thông Bùi Thị Xuân;
2. Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa;
3. Trường trung học phổ thông Lương Thế Vinh;
4. Trường trung học phổ thông năng khiếu Thể dục Thể thao;
5. Trường trung học phổ thông Ten Lơ Man;
6. Trường trung học phổ thông Trưng Vương;
7. Trường trung học phổ thông Lê Quý Đôn;
8. Trường trung học phổ thông Marie Curie;
9. Trường trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai;
10. Trường trung học phổ thông Nguyễn Thị Diệu;
11. Trường trung học phổ thông Nguyễn Trãi;
12. Trường trung học phổ thông Nguyễn Hữu Thọ;
13. Trường trung học phổ thông Hùng Vương;
14. Trường trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong;
15. Trường trung học phổ thông Trần Khai Nguyên;
16. Trường trung học phổ thông Trần Hữu Trang;
17. Trường trung học phổ thông Bình Phú;
18. Trường trung học phổ thông Mạc Đĩnh Chi;
19. Trường trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành;
20. Trường trung học phổ thông Phạm Phú Thứ;

21. Trường trung học phổ thông Lê Thánh Tôn;
22. Trường trung học phổ thông Nam Sài Gòn;
23. Trường trung học phổ thông Ngô Quyền;
24. Trường trung học phổ thông Tân Phong;
25. Trường trung học phổ thông Lương Văn Can;
26. Trường trung học phổ thông Ngô Gia Tự;
27. Trường phổ thông năng khiếu thể dục, thể thao Nguyễn Thị Định;
28. Trường trung học phổ thông Nguyễn Văn Linh;
29. Trường trung học phổ thông Tạ Quang Bửu;
30. Trường trung học phổ thông Võ Văn Kiệt;
31. Trường trung học cơ sở - trung học phổ thông Diên Hồng;
32. Trường trung học phổ thông Nguyễn Du;
33. Trường trung học phổ thông Nguyễn Khuyến;
34. Trường trung học phổ thông Nguyễn An Ninh;
35. Trường trung học cơ sở - trung học phổ thông Sương Nguyệt Anh;
36. Trường trung học phổ thông Nam Kỳ Khởi Nghĩa;
37. Trường trung học phổ thông Nguyễn Hiền;
38. Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải;
39. Trường trung học phổ thông Thạnh Lộc;
40. Trường trung học phổ thông Trường Chinh;
41. Trường trung học phổ thông Võ Trường Toản;
42. Trường trung học phổ thông Gia Định;
43. Trường trung học phổ thông Hoàng Hoa Thám;
44. Trường trung học phổ thông Phan Đăng Lưu;
45. Trường trung học phổ thông Thanh Đa;
46. Trường trung học phổ thông Trần Văn Giàu;
47. Trường trung học phổ thông Võ Thị Sáu;

48. Trường trung học phổ thông Gò Vấp;
49. Trường trung học phổ thông Nguyễn Công Trứ;
50. Trường trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực;
51. Trường trung học phổ thông Trần Hưng Đạo;
52. Trường trung học phổ thông Bà Điểm;
53. Trường trung học phổ thông Hồ Thị Bi;
54. Trường trung học phổ thông Lý Thường Kiệt;
55. Trường trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cầu;
56. Trường trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ;
57. Trường trung học phổ thông Nguyễn Hữu Tiến;
58. Trường trung học phổ thông Phạm Văn Sáng;
59. Trường trung học phổ thông Hàn Thuyên;
60. Trường trung học phổ thông Phú Nhuận;
61. Trường trung học phổ thông Quốc tế Việt Úc;
62. Trường trung học phổ thông Nguyễn Chí Thanh;
63. Trường trung học phổ thông Nguyễn Thái Bình;
64. Trường trung học phổ thông Nguyễn Thượng Hiền;
65. Trường trung học phổ thông Lê Trọng Tấn;
66. Trường trung học phổ thông Tân Bình;
67. Trường trung học phổ thông Tây Thạnh;
68. Trường trung học phổ thông Trần Phú;
69. Trường trung học phổ thông An Nhơn Tây;
70. Trường trung học phổ thông Củ Chi;
71. Trường trung học phổ thông Phú Hòa;
72. Trường trung học phổ thông Tân Thông Hội;
73. Trường trung học phổ thông Quang Trung;
74. Trường trung học phổ thông Trung Lập;

75. Trường trung học phổ thông Trung Phú;
76. Trường trung học phổ thông Bình Chánh;
77. Trường phổ thông năng khiếu Thể dục - Thể thao Bình Chánh;
78. Trường trung học phổ thông Đa Phước;
79. Trường trung học phổ thông Lê Minh Xuân;
80. Trường trung học phổ thông Phong Phú;
81. Trường trung học phổ thông Tân Túc;
82. Trường trung học phổ thông Vĩnh Lộc B;
83. Trường trung học phổ thông An Lạc;
84. Trường trung học phổ thông Bình Hưng Hòa;
85. Trường trung học phổ thông Bình Tân;
86. Trường trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cánh;
87. Trường trung học phổ thông Vĩnh Lộc;
88. Trường trung học phổ thông An Nghĩa;
89. Trường trung học phổ thông Bình Khánh;
90. Trường trung học phổ thông Cần Thạnh;
91. Trường trung học cơ sở - trung học phổ thông Thạnh An;
92. Trường trung học phổ thông Dương Văn Dương;
93. Trường trung học phổ thông Long Thới;
94. Trường trung học phổ thông Phước Kiển;
95. Trường trung học phổ thông Bình Chiểu;
96. Trường trung học phổ thông Dương Văn Thị;
97. Trường trung học phổ thông Đào Sơn Tây;
98. Trường trung học phổ thông Hiệp Bình;
99. Trường trung học phổ thông Giồng Ông Tố;
100. Trường trung học phổ thông Linh Trung;
101. Trường trung học phổ thông Long Trường;

102. Trường trung học phổ thông Nguyễn Huệ;
103. Trường trung học phổ thông Nguyễn Hữu Huân;
104. Trường trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng;
105. Trường trung học phổ thông Phước Long;
106. Trường trung học phổ thông Tam Phú;
107. Trường trung học phổ thông Thủ Đức;
108. Trường trung học phổ thông Thủ Thiêm;
109. Trường trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa;
110. Trường trung học phổ thông Hoàng Thế Thiện;
111. Trường trung học phổ thông Vũng Tàu;
112. Trường trung học phổ thông Đinh Tiên Hoàng;
113. Trường trung học phổ thông Trần Nguyên Hãn;
114. Trường trung học phổ thông Nguyễn Huệ - Bà Rịa - Vũng Tàu;
115. Trường trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn;
116. Trường trung học phổ thông Nguyễn Khuyến - Bà Rịa - Vũng Tàu;
117. Trường trung học phổ thông Châu Thành;
118. Trường trung học phổ thông Bà Rịa;
119. Trường trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm;
120. Trường trung học phổ thông Trần Văn Quan;
121. Trường trung học phổ thông Trần Quang Khải - Bà Rịa - Vũng Tàu;
122. Trường trung học phổ thông Long Hải - Phước Tỉnh;
123. Trường trung học phổ thông Minh Đạm;
124. Trường trung học phổ thông Võ Thị Sáu - Bà Rịa - Vũng Tàu;
125. Trường trung học phổ thông Dương Bạch Mai;
126. Trường trung học phổ thông Trần Phú - Bà Rịa - Vũng Tàu;
127. Trường trung học phổ thông Nguyễn Trãi - Bà Rịa - Vũng Tàu;
128. Trường trung học phổ thông Ngô Quyền - Bà Rịa - Vũng Tàu;

129. Trường trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu;
130. Trường trung học phổ thông Nguyễn Du - Bà Rịa - Vũng Tàu;
131. Trường trung học phổ thông Xuyên Mộc;
132. Trường trung học phổ thông Phước Bửu;
133. Trường trung học phổ thông Hòa Bình;
134. Trường trung học phổ thông Hòa Hội;
135. Trường trung học phổ thông Bưng Riềng;
136. Trường trung học phổ thông Trần Hưng Đạo - Bà Rịa - Vũng Tàu;
137. Trường trung học phổ thông Hắc Dịch;
138. Trường trung học phổ thông Phú Mỹ;
139. Trường trung học phổ thông Võ Thị Sáu - Côn Đảo;
140. Trường phổ thông dân tộc nội trú Bà Rịa - Vũng Tàu;
141. Trường trung học phổ thông An Mỹ;
142. Trường trung học phổ thông chuyên Hùng Vương;
143. Trường trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu;
144. Trường trung học phổ thông Bình Phú - Bình Dương;
145. Trường trung học phổ thông Võ Minh Đức;
146. Trường trung học phổ thông Bến Cát;
147. Trường trung học phổ thông Tây Nam;
148. Trường trung học phổ thông Nguyễn Trãi - Bình Dương;
149. Trường trung học phổ thông Trịnh Hoài Đức;
150. Trường trung học phổ thông Trần Văn Ơn;
151. Trường trung học phổ thông Lý Thái Tổ;
152. Trường trung học phổ thông Huỳnh Văn Nghệ;
153. Trường trung học phổ thông Thái Hòa;
154. Trường trung học phổ thông Tân Phước Khánh;
155. Trường trung học phổ thông Nguyễn An Ninh - Bình Dương;

- 156. Trường trung học phổ thông Dĩ An;
- 157. Trường trung học phổ thông Bình An;
- 158. Trường trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai - Bình Dương;
- 159. Trường trung học phổ thông Phước Vĩnh;
- 160. Trường trung học phổ thông Phước Hòa;
- 161. Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Nguyễn Huệ;
- 162. Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Tây Sơn;
- 163. Trường trung học phổ thông Long Hòa;
- 164. Trường trung học phổ thông Thanh Tuyền;
- 165. Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Minh Hòa;
- 166. Trường trung học phổ thông Dầu Tiếng;
- 167. Trường trung học phổ thông Lê Lợi;
- 168. Trường trung học phổ thông Tân Bình - Bình Dương;
- 169. Trường trung học phổ thông Thường Tân;
- 170. Trường trung học phổ thông Bàu Bàng.

II. TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN VÀ TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

- 171. Trung tâm giáo dục thường xuyên Lê Quý Đôn;
- 172. Trung tâm giáo dục thường xuyên Chu Văn An;
- 173. Trung tâm giáo dục thường xuyên Tiếng Hoa;
- 174. Trung tâm giáo dục thường xuyên Gia Định;
- 175. Trung tâm giáo dục thường xuyên Bà Rịa - Vũng Tàu;
- 176. Trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp Vũng Tàu;
- 177. Trung tâm giáo dục thường xuyên - dạy nghề - giới thiệu việc làm Châu Đức;
- 178. Trung tâm giáo dục thường xuyên - dạy nghề - giới thiệu việc làm Xuyên Mộc;
- 179. Trung tâm giáo dục thường xuyên Long Điền - Đất Đỏ;

180. Trung tâm giáo dục thường xuyên Phú Mỹ;
181. Trung tâm giáo dục thường xuyên và bồi dưỡng nghiệp vụ Bình Dương;
182. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Thuận An;
183. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Dĩ An;
184. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Tân Uyên;
185. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Bến Cát;
186. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Phú Giáo;
187. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Dầu Tiếng;
188. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Bàu Bàng;
189. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Thủ Đức;
190. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Tân Định;
191. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Nhiều Lộc;
192. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Vĩnh Hội;
193. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Chợ Lớn;
194. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Bình Tây;
195. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Tân Thuận;
196. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Chánh Hưng;
197. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Hòa Hưng;
198. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Hòa Bình;
199. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Trung Mỹ Tây;
200. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Phú Thọ Hòa;
201. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Bảy Hiền;
202. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Đức Nhuận;
203. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Bình Thạnh;
204. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên An Hội Đông;
205. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Bình Hưng Hòa;
206. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Hiệp Phước;

- 207. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Xuân Thới Sơn;
- 208. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Tân An Hội;
- 209. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Bình Khánh;
- 210. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Tân Nhựt.

III. TRƯỜNG MẦM NON

- 211. Trường mầm non 19/5 Thành phố;
- 212. Trường mầm non Thành phố;
- 213. Trường mầm non Nam Sài Gòn.

IV. TRƯỜNG TRUNG CẤP

- 214. Trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cánh;
- 215. Trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;
- 216. Trường trung cấp Bách Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh;
- 217. Trường trung cấp Kinh tế Bình Dương;
- 218. Trường trung cấp Mỹ thuật - Văn hóa Bình Dương;
- 219. Trường trung cấp Nông Lâm nghiệp;
- 220. Trường trung cấp Đông Sài Gòn;
- 221. Trường trung cấp Bình Thạnh;
- 222. Trường trung cấp Quang Trung;
- 223. Trường trung cấp Củ Chi;
- 224. Trường trung cấp Trần Đại Nghĩa;
- 225. Trường trung cấp Nhân Đạo;
- 226. Trường trung cấp Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương.

V. ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP KHÁC

- 227. Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cho Người khuyết tật;
- 228. Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Bình Chánh;
- 229. Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Tân Bình;
- 230. Trường phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu;

-
231. Trường giáo dục chuyên biệt Thảo Điền;
 232. Trường giáo dục chuyên biệt 15/5;
 233. Trường giáo dục chuyên biệt Ánh Dương;
 234. Trường giáo dục chuyên biệt Bình Minh;
 235. Trường giáo dục chuyên biệt Niềm Tin;
 236. Trường giáo dục chuyên biệt Hy Vọng - An Hội Đông;
 237. Trường giáo dục chuyên biệt Bình Tân;
 238. Trường giáo dục chuyên biệt Tương Lai - Tân Định;
 239. Trường giáo dục chuyên biệt Cần Giờ;
 240. Trường giáo dục chuyên biệt Tương Lai - Xuân Hòa;
 241. Trường giáo dục chuyên biệt 1 Tháng 6;
 242. Trường giáo dục chuyên biệt Tương Lai - Chợ Lớn;
 243. Trường giáo dục chuyên biệt Hy Vọng - Bình Phú;
 244. Trường giáo dục chuyên biệt Hy Vọng - Phú Định;
 245. Trường giáo dục chuyên biệt Vườn Lài;
 246. Trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật Tân An Hội;
 247. Trường nuôi dạy trẻ Khuyết tật;
 248. Trường nuôi dạy trẻ khiếm thị Hữu Nghị;
 249. Trung tâm giáo dục kỹ thuật - tổng hợp và hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm;
 250. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh;
 251. Trung tâm Thông tin và Chương trình giáo dục./.